

Số: 234../TB-CSLN

Lộc Ninh, ngày 26 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định gói thầu giá thiết bị y tế

Căn cứ Quyết định số: 502/QĐ-HĐQTCSVN, ngày 05/12/2018 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần về việc Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/06/2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá và thẩm định giá;

Căn cứ quyết định số 675/QĐ-CSLN ngày 24/10/2022 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh về việc hủy thầu gói thầu Dự án: Thiết bị y tế.

Nay Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh thông báo lựa chọn tổ chức thẩm định giá gói thầu thiết bị y tế như sau:

Stt	Tên thiết bị – Thông số kỹ thuật Model – Hãng sản xuất	Số lượng	Phân nhóm theo TT14
	MÁY PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC 03 THÀNH PHẦN BC I. Thông tin yêu cầu - Năm sản xuất: 2021 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 - Nguồn cung cấp: 100-240V AC, 50/60Hz - Môi trường hoạt động: - Nhiệt độ: 18°C -32°C - Độ ẩm: 80% Cấu hình cung cấp: - Máy chính kèm phụ kiện chuẩn kèm theo: - Bộ lưu điện: 01 bộ (Mua Tại Việt Nam) - Máy in: 01 chiếc (Mua Tại Việt Nam) - Dây nguồn: 01 chiếc - Dây và cọc tiếp đất: 01 bộ (Mua Tại Việt Nam) - Bộ hóa chất chạy thử máy: - Bình dung dịch Pha Loãng: 01 bình – 20 lít - Bình dung dịch rửa: 01 bình – 1 lít - Bình dung dịch Phá hồng cầu: 01 bình – 200ml - Bình dung dịch rửa Kim hút: 01 bình – 30ml II. Mô tả sản phẩm: - Máy xét nghiệm huyết học với Công nghệ trở	01	4

Stt	Tên thiết bị – Thông số kỹ thuật Model – Hãng sản xuất	Số lượng	Phân nhóm theo TT14
	kháng thông minh, là một máy phân tích huyết học 3 thành phần tiên tiến cung cấp xét nghiệm CBC chất lượng để mang lại dịch vụ chăm sóc bệnh nhân an toàn. Là một giải pháp huyết học hiệu quả về chi phí được điều chỉnh cho các môi trường làm việc khác nhau từ phòng thí nghiệm thông thường, phòng thí nghiệm vệ tinh và đơn vị chăm sóc khẩn cấp. - Có các chứng năng như: Thông tắc tự động, các cờ riêng biệt để chẩn đoán nhanh chóng và tốt hơn, chức năng báo động thuốc thử hết hạn, quản lý QC bằng đồ thị L-J, phần mềm trực quan dễ thao tác. - Đạt yêu cầu chỉ lấy mẫu vi mô 14 μL máu toàn phần và 20 μL pha loãng trước để chạy bất kỳ chế độ mẫu máu nào III. <u>Thông số kỹ thuật:</u> */ Công nghệ: - Trở kháng tế bào - Phương pháp đo không dùng thuốc thử chứa Cyanide - Công suất: Khoảng 60 mẫu/giờ - Thông số: 20 thông số, 3 biểu đồ - Chế độ: Ống nghiệm hở, với 2 loại mẫu đo: Máu toàn phần 14 μL, pha loãng trước 20 μL - Bộ nhớ: khả năng lưu lên đến 35.000 kết quả mẫu kèm theo biểu đồ */ Đường kính khe đếm (<i>Aperture Diameter</i>) - WBC: 100 μm - RBC/PLT: 70 μm */ Tỷ lệ pha loãng - WBC: Máu toàn phần (1:304); Máu mao mạch (1:293) - RBC / PLT: Máu toàn phần (1:448); Máu mao mạch (1:444) */ Cổng kết nối - Hỗ trợ kết nối máy in bên ngoài qua cổng USB - Đọc mã vạch: Code128, Code39 - Hỗ trợ kết nối LIS bằng cổng Rs232		

Stt	Tên thiết bị – Thông số kỹ thuật Model – Hãng sản xuất	Số lượng	Phân nhóm theo TT14
	- Ethernet: RJ45 */ Thông số đo và biểu đồ: - Có 20 thông số: WBC, LYM#, LYM%, MID#, MID%, GRAN#, GRAN%, RBC, HGB, HCT, MCV, RDW – CV, RDW-SD, MCH, MCHC, PLT, MPV, PCT, PDW, P- LCR - Có 03 biểu đồ: WBC, RBC, PLT */ Tính chất vật lý: - Màn hình: Màn hình cảm ứng 10.4 inch, độ phân giải 800 x600 - Máy in: Máy in nhiệt tích hợp - Kích thước: 4436 (C) x 275 (R) x 461 mm (S) - Trọng lượng: Khoảng 25 kg HỆ THỐNG MÁY X-QUANG KTS (500mA-125kV / Hệ thống Xquang + Tấm TFT) <u>Thông tin yêu cầu</u> - 01 Máy phát cao tần và bảng điều khiển (500mA/125kV/40kW/1phase) - 01 Bóng X-quang - 01 Cột mang bóng X-quang - 01 Bộ chuẩn trục chùm tia X - 01 Bàn chụp bệnh nhân di chuyển 4 chiều - 01 Giá chụp phổi có Bucky - 01 Cáp cao áp - 01 Tấm nhận ảnh bản phẳng (FPD) 17x17" - 01 Hộp nguồn - 01 Trạm làm việc PC - 01 Máy in phim X-Quang - 01 Màn hình 23" - 01 Phần mềm thu nhận và xử lý hình ảnh S/W THÔNG SỐ KỸ THUẬT - Máy phát cao tần và bảng điều khiển - Loại : máy phát tia biến áp cao tần - Bộ vi xử lý và tự động bù dòng điện áp - Chức năng tự hiển thị mã lỗi để phát hiện lỗi nhanh - Chế độ tích hợp chức năng hỗ trợ trong hiệu chỉnh - Tự động hiệu chỉnh bóng X-quang - Tần số: 60kHz - Công suất nguồn phát (tối đa) : 40kW - Dây kV : 40 - 125kV - Dây mA : 10 – 500mA (10, 12.5, 16, 20, 25, 32, 40, 50, 63, 80, 100, 125, 160, 200, 250, 320, 400, 500) - Dây mAs : 0.1 – 500mAs	1	6

Stt	Tên thiết bị – Thông số kỹ thuật Model – Hãng sản xuất	Số lượng	Phân nhóm theo TT14
	- Dây thời gian : 0.001 – 10 giây - Chương trình ứng dụng giải phẫu học (APR) : 216 thông số - Chụp bằng bảng điều khiển và công tắc - Hiện thị các thông số kỹ thuật (kV, mA, mAs) bằng đèn LED - Tự động hiện thị mã lỗi bằng đèn LED trên bảng điều khiển - Dòng điện sử dụng : 1 pha / 220VAC / 50, 60Hz - Tự động bù điện áp nguồn trong phạm vi : $\pm 10\%$ - Bóng X-quang Model : E7239X / NSX : Canon Electron Tubes & Devices Co.,ltd / Nhật Bản - Loại : Anode xoay - Số tiêu điểm bóng: 2 (tiêu điểm nhỏ và tiêu điểm lớn) - Tiêu điểm bóng : + Tiêu điểm nhỏ 1.0mm + Tiêu điểm lớn 2.0mm - Dòng cực đại cho đầu bóng đèn : 125kV - Góc Anode : 16° - Tốc độ quay Anode: 2,700~3,000 vòng/phút (tại 50, 60Hz) - Lọc của Anode: tối đa là 2.4 mm Al - Khả năng chịu nhiệt : 140kHU - Cột mang bóng X-quang - Loại : hệ thống thanh ray gắn sàn - Hệ thống cân bằng với đối trọng, di chuyển thẳng đứng nhẹ nhàng và an toàn. - Tất cả các vị trí được duy trì bằng phanh điện từ hoạt động với điều khiển cầm tay nằm ở phía trước của đầu bóng đèn. - Phạm vi di chuyển theo chiều trái - phải : 3,016mm - Phạm vi di chuyển theo chiều thẳng đứng : 1,400mm (từ 400 – 1800 mm) - Khóa điện từ - Góc xoay quanh trục thẳng đứng : $\pm 135^\circ$ - Bộ chuẩn trục chùm tia X (Collimator) - Loại điều khiển bằng tay - kV tối đa : 150kV - Trường phát tối đa là 43cm x 43cm tại khoảng cách SID là 100cm. - Trường phát tối thiểu là 1 cm x 1 cm tại khoảng cách SID là 100cm. - Bộ lọc bằng nhôm dày 1.5mm - Thời gian mở của nguồn sáng là : loại nút nhấn / 30 giây đèn sẽ tự tắt. - Nguồn sáng: LED (150W / 24VAC)		

Stt	Tên thiết bị – Thông số kỹ thuật Model – Hãng sản xuất	Số lượng	Phân nhóm theo TT14
	- Độ sáng của nguồn sáng: Hơn 160 Lux tại SID 100cm - Bàn bệnh nhân di chuyển 4 chiều - Di chuyển: bàn chụp di chuyển 4 chiều - Khả năng di chuyển của mặt bàn : Ngang : $\pm 105\text{mm}$ Dọc : $\pm 450\text{mm}$ - Di chuyển Bộ phận Bucky tịnh tiến dưới mặt bàn: khả năng di chuyển của bucky 390mm - Khoảng cách di chuyển từ mặt bàn đến Bucky : xấp xỉ 7,5cm - Bộ lọc : bằng nhôm dày 0.7mm tại 100kV - Chất liệu bàn chụp : mỏng, xấp xỉ 0.6cm - Kích thước cassette : từ 8x10" đến 17x17" - Trọng tải tối đa : 200kg - Khóa hệ thống : khóa điện từ - Điều khiển di chuyển bàn chụp bằng công tắc chân - Kích thước : xấp xỉ 2,200 x 806 x 655mm - Giá chụp phổi có Bucky - Loại : di chuyển theo chiều thẳng đứng bằng mô tơ với phanh điện từ - Phạm vi di chuyển theo chiều thẳng đứng : 1,480mm (400 – 1,880mm) - Di chuyển thẳng đứng và phanh điều khiển bằng công tắc - Kích thước cassette : từ 8x10" đến 17x17" - Hệ thống khóa điện từ - Kích thước: 702 x 490 x 2,177 mm - Cáp cao áp - Cáp cao thể bộ dây dài 8 m, với bộ đầu cắm. - Tải xuất điện áp tối đa : 150kV - Dây cáp linh hoạt và có độ bền cao - Tấm nhận ảnh bản phẳng (FPD) - Mục đích sử dụng : General Radiography - Kiểu Cảm biến : a-Si TFT bảng thụ thể Flat Panel - Mànng nhấp nháy : CsI - Độ phân giải : 3,072 x 3,072 (9.4 Mega Pixel) - Kích thước tấm nhận ảnh : 17 x 17" (430 x 430mm) - Tín hiệu cơ học chuyển sang tín hiệu KTS: 16-bit - Chế độ chụp : Tự động cảm nhận tia Xquang - Chế độ hiệu chỉnh : Hiệu chỉnh tự động (chế độ ACC), hiệu chỉnh bằng tay		

Stt	Tên thiết bị – Thông số kỹ thuật Model – Hãng sản xuất	Số lượng	Phân nhóm theo TT14
	- Thời gian truyền dữ liệu : ít hơn 1 giây - Phạm vi năng lượng : 40-150 kVp - Giao diện trạm làm việc : Gigabit Ethernet - Thời gian nhận hình ảnh và xử lý : 3 ~ 5 giây - Nâng cấp phần mềm(Firmware) : có - Kích thước : 460x460x15(WxDxH) - Trọng lượng : 4.5 kg - Hộp nguồn (Power box) - Cung cấp điện cho cảm biến từ nguồn điện 100~240 VAC (50,60Hz) - Điện tiêu thụ: 35VA (tối đa) - Hiển thị tình trạng: bằng đèn LED - Kết nối với trạm làm việc điều khiển hệ thống - Trạm làm việc (Mua tại Việt Nam) - Cấu hình hệ thống PC • OS : Windows 10-64bit • CPU : i5 • HDD : 1000GB • RAM : 8 GB - Màn hình: 23.9” (độ phân giải: Full HD) MÁY IN PHIM KHÔ ĐỘ PHÂN GIẢI CAO <u>Tính năng kỹ thuật</u> - Phương pháp in /kỹ thuật in: Nhiệt trực tiếp, công nghệ in trực tiếp này tránh sử dụng các bộ quang học phức tạp. - Drystar 5302 thân thiện với môi trường và dễ sử dụng. Không dùng hóa chất. - Drystar 5302 là máy in chuẩn DICOM. - Drystar 5302 thiết kế dạng modul với 02 khay chứa phim on-line, mỗi khay có thể hỗ trợ bất kỳ kích thước phim nào. - Thời gian khởi động nhanh chóng: từ lúc bật máy đến lúc in là 7 phút. - Kết nối đầu vào cùng lúc: 10 kết nối DICOM - Công suất: + Đối với phim 18x24cm: 130 phim /giờ; + Đối với phim 35x43cm: 75 phim /giờ. - Độ phân giải: 508 dpi		

Stt	Tên thiết bị – Thông số kỹ thuật Model – Hãng sản xuất	Số lượng	Phân nhóm theo TT14
	- Thang xám: 14 bits (tương đương 8.192 Greyscale/pixel). - Phim lộ sáng - Loại phim sử dụng chịu được nhiệt độ lưu trữ cao. - Phim an toàn lưu trữ lên đến 20 năm. - Phim có hạn sử dụng 24 tháng. - In phim với kích thước thật 100% - In được nhiều kích cỡ phim khác nhau: 35x43cm; 35x35cm; 26x36cm; 25x30cm; 20x25cm. - Có khả năng kết nối được để in phim với các hệ thống khác như CR, C-Arm, CT, MRI...hiện có của Bệnh viện. - Công nghệ A#Sharp làm tăng khả năng tạo ảnh, tối ưu hóa chất lượng hình ảnh, cho phép cung cấp chất lượng hình ảnh sắc nét hơn trên tất cả các ứng dụng. - Hệ thống phần mềm chụp và xử lý ảnh - Chụp X-quang và xử lý hình ảnh - Quản lý thông tin bệnh nhân - Thời gian nhận ảnh: 3 ~ 5 giây - Phương thức: loại kỹ thuật số - DICOM: hỗ trợ chuẩn DICOM 3.0, bao gồm DICOM Print SCU, MPPS, DICOM Storage SCU, và DICOM Worklist SCU - Lưu trữ dự phòng: Hỗ trợ dự phòng với CD/DVD, Flash Disk (USB3.0) - Thao tác ảnh - Tạo ảnh kỹ thuật số - Tùy chỉnh chú thích - Cắt cúp và cài sẵn - Phóng to/thu nhỏ - Chức năng quay - Đảo ngược và lật (ngang/dọc) - Đo góc và chiều dài - Di chuyển hình ảnh trên màn hình - Bỏ hình và lưu hình - Điều chỉnh Window/Level - Kính phóng đại - Làm nổi vùng ảnh ▪ Hiện thị bố cục hình ảnh: 1x1, 2x1, 1x2, 2x2, toàn màn hình, kích thước thật		

tt	Tên thiết bị – Thông số kỹ thuật Model – Hãng sản xuất	Số lượng	Phân nhóm theo TT14
	- Tính năng đặc biệt: - Tạo ID bệnh nhân tự động khi đăng ký bệnh nhân. - Lưu trữ file DICOM, JPG, BMP, PNG - Xem và chỉnh sửa hình ảnh trước khi in (chế độ preview) - Hỗ trợ ghép hình ảnh (chức năng full spine) - Theo dõi tình trạng gửi/ in (bằng tin nhắn) - Chức năng tự động xóa trong quản lý ổ cứng tự động - Hỗ trợ tầm nhận ảnh kép - Hỗ trợ đa ngôn ngữ - Thống kê hình ảnh đã chụp (theo tháng, năm) - Kết nối đa dạng PACS - Kết nối đa dạng máy in (giấy in ảnh, in phim khô, DICOM) - Thân thiện với người dùng GUI - Biểu tượng công cụ tùy chỉnh - Thêm, chỉnh sửa thông tin trên phim		

- Tiêu chí lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

- + Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thẩm định giá tài sản
- + Cơ sở vật chất của tổ chức thẩm định giá tài sản
- + Chi phí, thù lao dịch vụ thẩm định giá thấp nhất

- Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

- + 10 ngày kể từ ngày Công ty ra thông báo (Trong giờ làm việc hành chính)
- + Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng KHĐT - Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh.

Địa chỉ: Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình

Phước: 

Nơi nhận:

- Ban Tổng Giám đốc;
- Văn phòng Cty (Đăng Website);
- Lưu: VT, KHĐT 



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Nghị